

Bản án số: 06/2024/HC-ST

Ngày: 18-01-2024

V/v: “Khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương

Ông Bùi Thế Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Mai Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2023/TLST-HC ngày 16/10/2023 về việc: “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HC ngày 02/01/2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1948 và bà Cao Thị N, sinh năm 1950; cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; đều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Từ Thùy D, sinh năm 1983;

Địa chỉ: 01 D, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ: Số 07, đường T, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T - Chủ tịch UBND.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc B - Phó Chủ tịch UBND; (theo giấy ủy quyền số 5343/UBND-TP ngày 31/10/2023); vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: đường N, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Thăng G - Chủ tịch UBND phường; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2023, bổ sung ngày 01/9/2023, bản tự khai ngày 01/11/2023, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Gia đình ông, bà có quyền sử dụng thửa đất thổ cư tại tổ dân phố T, phường T, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Thửa đất được sử dụng vào mục đích đất ở trước ngày 18/12/1980 và được ghi nhận qua hồ sơ địa chính các thời kỳ như sau:

- Theo hồ sơ 299 (đo vẽ, lập năm 1984) thể hiện: gồm 02 thửa, tổng diện tích 2.276m²:

+ Thửa đất số 1404, tờ bản đồ số 02, phường T, diện tích 560m², loại đất: T, đăng ký sử dụng: Nguyễn Hữu T1 (tên đúng là Nguyễn Quốc C), do đoàn đo đạc 299 đã ghi chưa đúng họ tên.

+ Một phần thửa đất số 1408, tờ bản đồ số 02, phường T, diện tích 1.716m², loại đất: T, đăng ký sử dụng: Lê Thị H. Đoàn đo 299 đã đo phần đất của ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N vào chung thửa đất của bà Lê Thị H.

- Theo hồ sơ địa chính 382 (lập năm 1995) thể hiện: 02 thửa đất với tổng diện tích 1.062m²:

+ Thửa đất số 210, tờ bản đồ số 07, diện tích 598m², loại đất: T, đăng ký sử dụng: Cao Thị N.

+ Thửa đất số 211, tờ bản đồ số 07, diện tích 464m², loại đất: M, đăng ký sử dụng: Cao Thị N. Do đoàn đo đạc ghi sai loại đất, thực tế thửa đất sử dụng vào mục đích đất ở trước năm 1980.

- Theo hồ sơ địa chính năm 2010, lô đất trên được ghi nhận thành 05 thửa, tổng diện tích 1.363,5m², gồm:

+ Thửa đất số 108, tờ bản đồ số 26, diện tích 108,1m², loại đất: ODT, đăng ký sử dụng: Nguyễn Thị N1.

+ Thửa đất số 126, tờ bản đồ số 26, diện tích 411,0m², loại đất: ODT, đăng ký sử dụng: Nguyễn Quốc C.

+ Thửa đất số 141, tờ bản đồ số 26, diện tích 289,1m², loại đất: ODT, đăng ký sử dụng: Nguyễn Hữu T2.

+ Thửa đất số 142, tờ bản đồ số 26, diện tích 253,1m², loại đất: ODT, đăng ký sử dụng: Nguyễn Hữu S.

+ Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 26, diện tích 302,2m², loại đất: ODT, đăng ký sử dụng: Nguyễn Hữu T3.

Hiện trạng gia đình ông, bà sử dụng đất với diện tích thực tế được ghi nhận là 1.342,3m² thuộc thửa đất số 233, tờ bản đồ số 22, loại đất ODT theo

trích lục mảnh Trích đo bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa lập năm 2021.

Thực hiện dự án Khu đô thị quảng trường biển thành phố S:

Thửa đất của gia đình ông, bà chưa được cấp GCNQSDĐ. Ngày 27/12/2021, UBND phường T lập Hội đồng xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất cho gia đình ông, kết luận và đề nghị tại Biên bản xác nhận như sau:

“Trên cơ sở hồ sơ quản lý nhà nước về đất đai qua các thời kỳ, ngày 27/12/2021 UBND phường T đã tổ chức hội nghị xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N là đất có nhà ở sử dụng trước ngày 18/12/1980. Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp.

UBND phường T đề nghị Hội đồng bồi thường GPMB thành phố S xem xét, lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB và quyết định thu hồi đất cho gia đình ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N 1.342,3m² theo hồ sơ trích đo năm 2018 tại thửa 233, tờ 22;

- Diện tích thu hồi thuộc phạm vi dự án Khu đô thị Quảng trường biển thành phố S 1.342,3m². Trong đó: đất ở 450,0m², đất CLN: 612,0m², đất BHK: 280,3m²”.

Ngày 06/01/2022, UBND thành phố S đã ban hành Quyết định số 40/QĐ-UBND thu hồi đất 1.342,3m² đất của gia đình ông, bà thuộc thửa đất số 233, tờ bản đồ số 22, phường T, thành phố S; theo đó xác định: đất ở đô thị (ODT) bị thu hồi là 450,0m², đất trồng cây lâu năm (CLN) bị thu hồi là 892,3m².

Ngày 06/01/2022, UBND thành phố S ban hành Quyết định số 41/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB cho gia đình ông, bà, trong đó xác định tổng diện tích đất thu hồi và bồi thường, hỗ trợ là 1.342,3m² (loại đất: 450,0m² là đất ODT, 892,3m² là đất CLN). Kinh phí bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền là 3.880.758.000 đồng, cụ thể như sau:

- + Bồi thường về đất: 2.519.769.000 đồng.
- + Bồi thường tài sản, vật kiến trúc: 1.147.925.000 đồng.
- + Bồi thường về cây cối, hoa màu: 53.248.000 đồng.
- + Hỗ trợ: 159.780.000 đồng.

Ông, bà cho rằng các Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB của UBND thành phố S khi thu hồi diện tích 1.342,3m² đất thuộc thửa đất số 233, tờ bản đồ số 22 phường T, thành phố S của gia đình ông, bà nhưng xác định có 450,0m² đất ở đô thị (ODT), phần diện tích còn lại 892,3m² là đất trồng cây lâu năm (CLN) là không đúng, xâm phạm trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông, bà bởi các lý do sau:

- Thứ nhất: Diện tích 1.342,3m² đất bị thu hồi là đất thổ cư của gia đình ông, bà ở từ năm 1968 đến giờ, có nguồn gốc sử dụng vào mục đích đất ở trước

ngày 18/12/1980, đã được ghi nhận qua hồ sơ địa chính các thời kỳ là đất ở, được gia đình sử dụng ổn định, không tranh chấp, không lấn chiếm. Mặt khác, tại các văn bản, quyết định của UBND thành phố S và UBND phường T còn khẳng định diện tích đất 1.342,3m² nêu trên của ông, bà có nguồn gốc, sử dụng đất có nhà ở trên đất trước ngày 18/12/1980 được thể hiện trong hồ sơ 299/TTg, tại thửa số 1404, tờ bản đồ số 02, diện tích 560m², loại đất T và thửa số 1408, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.716,0m², loại đất T; tương ứng thửa đất số 210, 211, tờ bản đồ số 07, hồ sơ địa chính 382 (lập năm 1995).

Vì vậy, việc UBND thành phố S thu hồi đất (theo Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 06/01/2022) và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (theo Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2022) chỉ phê duyệt bồi thường cho gia đình ông, bà diện tích 450,0m² đất ở (ODT); diện tích đất còn lại 892,3m² phê duyệt là đất trồng cây lâu năm (CLN) là không phù hợp với quy định pháp luật và thực tế sử dụng đất của gia đình ông, bà. Do đó, khi thu hồi diện tích 892,3m² đất nêu trên phải được xác định thêm đất thu hồi là 550m² đất ở, 342,3m² là đất trồng cây lâu năm.

- Thứ hai: Thời điểm diện tích đất của gia đình ông, bà được sử dụng vào mục đích đất ở (trước ngày 18/12/1980) trước thời điểm phường T được công nhận là đô thị (năm 1996) nên hạn mức đất ở của thửa đất này được xác định bằng 5 lần hạn mức công nhận đất ở (hạn mức đất ở địa bàn nông thôn xã đồng bằng là 200m² đất ở/hộ) đã được quy định tại Quyết định số 4655/2017/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Do đó, việc UBND thành phố S ghi nhận cho thửa đất mà gia đình ông, bà sử dụng đất ở, nhà ở trước ngày 18/12/1980 có hạn mức đất ở là 450,0m² (05 lần hạn mức công nhận đất ở đô thị), diện tích đất còn lại 892,3m² là đất trồng cây lâu năm (CLN) khi thu hồi diện tích 1.342,3m² đất của gia đình ông, bà là không phù hợp với quy định pháp luật.

- Thứ ba: UBND thành phố S thu hồi toàn bộ diện tích 1.342,3m² đất của gia đình ông, bà nhưng mới bố trí đất tái định cư cho gia đình liên quan đến diện tích 450,0m² đất ở bị thu hồi. Diện tích đất 892,3m² đất còn lại khi gia đình ông, bà được xác định, xét duyệt bổ sung diện tích 550m² là đất ở thì UBND thành phố S phải bố trí thêm các lô đất tái định cư cho gia đình ông, bà tương xứng diện tích 550m² đất ở bị thu hồi này theo quy định của pháp luật và chính sách chung của dự án.

Vì vậy, ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa tuyên:

- Hủy một phần Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND thành phố S về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N sử dụng đất tại phường T để thực hiện dự án Khu đô thị quảng trường

biển, thành phố S; cụ thể: hủy nội dung thu hồi đất trồng cây lâu năm diện tích 892,3m² tại Điều 1 của Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND thành phố S, buộc UBND thành phố S phải công nhận, xác định toàn bộ diện tích 1.342,3m² đất bị thu hồi của hộ ông, bà thuộc thửa đất số 233, tờ bản đồ số 22, phường T, thành phố S là đất ở 1.000,0m², đất trồng cây lâu năm 342,3m² (trong đó đã xác định thu hồi 450,0m² đất ở) và đề nghị xác định diện tích 550,0m² đất còn lại là đất ở khi nhà nước thu hồi, bồi thường.

- Hủy một phần Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND thành phố S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB cho hộ ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N sử dụng khu đất tại phường T để thực hiện dự án Khu đô thị quảng trường biển, thành phố S; buộc UBND thành phố S phải phê duyệt lại phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB, xác định diện tích 1.342,3m² đất bị thu hồi của hộ ông, bà thuộc thửa đất số 233, tờ bản đồ số 22, phường T, thành phố S là đất ở 1.000,0m², đất trồng cây lâu năm 342,3m² (trong đó đã xác định thu hồi 450,0m² đất ở) và đề nghị xác định diện tích 550,0m² đất còn lại là đất ở khi nhà nước thu hồi, bồi thường.

- Buộc UBND thành phố S phải bố trí đất tái định cư cho gia đình ông, bà tương ứng với 550,0m² đất ở bị thu hồi được phê duyệt bổ sung theo quy định của pháp luật và chính sách chung của dự án.

* *Quan điểm của người bị kiện: tại văn bản số 5407/UBND-TNMT ngày 07/11/2023 của UBND thành phố S có nội dung như sau:*

1. Theo Biên bản xác nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất cho ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N ngày 27/12/2021 của UBND phường T:

a) Về nguồn gốc thửa đất: Ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N sử dụng đất có nguồn gốc là đất ở có nhà ở sử dụng trước ngày 18/12/1980. Đất sử dụng ổn định không tranh chấp.

b) Về hồ sơ quản lý Nhà nước về đất đai qua các thời kỳ:

- Hồ sơ đo đạc 299/TTg:

+ Thửa đất số 1404, tờ bản đồ số 02, phường T, diện tích 560,0m², loại đất: T, đăng ký sử dụng: Nguyễn Hữu T1 (tên đúng là Nguyễn Quốc C).

+ Một phần thửa đất số 1408, tờ bản đồ số 02, phường T, diện tích 1.716,0m², loại đất: T, đăng ký sử dụng: Lê Thị H. Đoàn đo 299 đã đo phần đất của ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N vào chung thửa đất của bà Lê Thị H.

- Hồ sơ đo đạc 382: 02 thửa đất với tổng diện tích 1.062,0m²:

+ Thửa đất số 210, tờ bản đồ số 07, diện tích 598,0m², loại đất: T, đăng ký sử dụng: Cao Thị N.

+ Thửa đất số 211, tờ bản đồ số 07, diện tích 464,0m², loại đất: M, đăng ký sử dụng: Cao Thị N.

- Hồ sơ địa chính 2010:

+ Thửa đất số 108, tờ bản đồ số 26, diện tích 108,1m², loại đất: ODT, đăng ký sử dụng: Nguyễn Thị N1.

+ Thửa đất số 126, tờ bản đồ số 26, diện tích 411,0m², loại đất: ODT, đăng ký sử dụng: Nguyễn Quốc C.

+ Thửa đất số 141, tờ bản đồ số 26, diện tích 289,1m², loại đất: ODT, đăng ký sử dụng: Nguyễn Hữu T2.

+ Thửa đất số 142, tờ bản đồ số 26, diện tích 253,1m², loại đất: ODT, đăng ký sử dụng: Nguyễn Hữu S.

+ Thửa đất số 156, tờ bản đồ số 26, diện tích 302,2m², loại đất: ODT, đăng ký sử dụng: Nguyễn Hữu T3.

- Hồ sơ trích đo năm 2018:

+ Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 22, diện tích 114,4m², loại đất: ODT, đăng ký sử dụng: Nguyễn Thị N1.

+ Thửa đất số 84, tờ bản đồ số 22, diện tích 407,8m², loại đất: ODT, đăng ký sử dụng: Nguyễn Quốc C.

+ Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 22, diện tích 271,3m², loại đất: ODT, đăng ký sử dụng: Nguyễn Hữu T2.

+ Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 22, diện tích 244,1m², loại đất: ODT, đăng ký sử dụng: Nguyễn Hữu S.

+ Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 22, diện tích 304,7m², loại đất: ODT, đăng ký sử dụng: Nguyễn Hữu T3.

- Trích lục mảnh trích đo địa chính khu đất số 869/TLBĐ ngày 30/11/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa: Thửa đất số 233, tờ bản đồ số 22, diện tích 1.342,3m², loại đất ODT, đăng ký sử dụng Nguyễn Quốc C.

2. Về hồ sơ cấp GCNQSDĐ: Thửa đất của ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N chưa được cấp GCNQSDĐ.

3. Về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N:

Hộ ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo Điều 100 Luật đất đai 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014 ND-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Căn cứ Quyết định số 4655/2017/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa: “Đối với trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014 ND-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nhưng có tên trong sổ mục kê hoặc sổ đăng ký ruộng đất theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng

Chính phủ hoặc có các tài liệu, chứng cứ khác chứng minh nguồn gốc sử dụng đất ổn định từ trước ngày 15/10/1993 thì diện tích đất ở được xác định như sau:

a) Trường hợp đã sử dụng đất ổn định từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993 thì diện tích đất ở được xác định theo mức quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp đã sử dụng đất ổn định từ trước ngày 18/12/1980 thì diện tích đất ở được xác định theo thực tế đang sử dụng, nhưng không quá 05 lần hạn mức giao đất ở quy định tại khoản 1, Điều 3 và khoản 1, Điều 4 của quy định này”.

Theo Quyết định số 4463/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa, hạn mức giao đất ở cho mỗi hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn phường thành phố S là 90,0m²/hộ.

Hộ ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N được công nhận không quá 5 lần hạn mức giao đất ở (90,0m² x 5 = 450,0m² đất ở). Hộ ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N đủ điều kiện xác định lại diện tích đất ở là 450,0m².

Ngày 06/01/2022, UBND thành phố S ban hành Quyết định số 40/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 41/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB cho hộ ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N sử dụng đất tại phường T để thực hiện dự án Khu đô thị Quảng trường biên, thành phố S. Theo đó, thu hồi và bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N diện tích 1.342,3m² (trong đó đất ở 450,0m²; đất CLN 892,3m²) thuộc thửa đất số 233, tờ bản đồ số 22 là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Việc ông Nguyễn Quốc C khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc UBND thành phố S hủy một phần Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 06/01/2022; hủy một phần Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2022; thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho gia đình ông diện tích 1.000m² đất ở là không có cơ sở.

** Quan điểm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: tại Văn bản số 1111/UBND ngày 15/12/2023 của UBND phường T, thành phố S có nội dung như sau:*

Về nguồn gốc thửa đất, hồ sơ quản lý Nhà nước về đất đai qua các thời kỳ: hồ sơ đo đạc 299/TTg; hồ sơ đo đạc 382; hồ sơ 2010; hồ sơ trích đo năm 2018, hồ sơ cấp GCNQSDĐ, việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ liên quan đến thửa đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N: phù hợp với nội dung của UBND thành phố S trình bày tại văn bản số 5407/UBND-TNMT ngày 07/11/2023.

Hộ ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Căn cứ Quyết định số 4655/2017/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 4463/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa, hạn mức giao đất ở cho mỗi hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn phường thành phố S là 90,0m².

Hộ ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N được công nhận không quá 5 lần hạn mức giao đất ở (90,0m² x 5 = 450,0m² đất ở). Hộ ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N đủ điều kiện xác định lại diện tích đất ở là 450,0m².

Trên cơ sở biên bản xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của UBND phường T, ngày 06/01/2022 UBND thành phố S ban hành Quyết định số 40/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 41/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB cho hộ ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N sử dụng đất tại phường T để thực hiện dự án Khu đô thị Quảng trường biển, thành phố S. Theo đó, thu hồi và bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N diện tích 1.342,3m² (trong đó đất ở 450,0m²; đất CLN 892,3m²) thuộc thửa đất số 233, tờ bản đồ số 22 là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, việc ông Nguyễn Quốc C khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung nêu trên là không có cơ sở.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, nhưng do đại diện người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không tiến hành phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại được.

Tại phiên tòa, vắng mặt đại diện người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính (TTHC).

- Về nội dung: Các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc C, bà Cao Thị N là có căn cứ, đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật TTHC, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N.

- Về án phí: Do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên UBND thành phố S phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, HĐXX nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Người khởi kiện vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa; đại diện của người bị kiện (UBND thành phố S) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (UBND phường T, thành phố S) vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 158 Luật TTHC xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] Về quyền khởi kiện, đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[2.1] Về quyền khởi kiện và đối tượng khởi kiện: Các Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 06/01/2022; Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND thành phố S về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB của hộ ông Nguyễn Quốc C, bà Cao Thị N tại phường T để thực hiện dự án: Khu đô thị Quảng trường biển, thành phố S là các quyết định hành chính của cơ quan có thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý đất đai. Người bị thu hồi đất là ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N, ông C, bà N cho rằng quyền, lợi ích của mình bị xâm phạm, nên có quyền khởi kiện và đây là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115 Luật TTHC.

[2.2] Về thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 06/01/2022, UBND thành phố S ban hành Quyết định số 40/QĐ-UBND và Quyết định số 41/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với hộ ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N; nhưng mãi đến ngày 04/01/2023 Hội đồng bồi thường GPMB thành phố S phối hợp cùng UBND phường T mới giao các quyết định nêu trên cho hộ ông Nguyễn Quốc C, bà Cao Thị N. Thể hiện tại biên bản làm việc ngày 22/12/2023, đại diện Phòng Tài nguyên môi trường và Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng thành phố S đã xác định, đối với ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bàn giao các Quyết định số 40/QĐ-UBND và Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND thành phố S tại biên bản bàn giao ngày 04/01/2023, ngoài biên bản bàn giao ngày 04/01/2023, Ban QLDA không lưu trữ giấy tờ giao nhận nào khác liên quan đến việc bàn giao các quyết định do UBND thành phố ban hành cho hộ ông Nguyễn Quốc C, bà Cao Thị N. Như vậy, có căn cứ xác định ngày 04/01/2023 ông Nguyễn Quốc C, bà Cao Thị N mới nhận được các Quyết định hành chính nêu trên, nên còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật TTHC.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc C, bà Cao Thị N:

[3.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện:

Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 và Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND thành phố S về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB của hộ ông Nguyễn Quốc C, bà Cao Thị N được ban hành đúng theo quy định tại Điều 62, điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 67, điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[3.2] Về nội dung:

* Về yêu cầu hủy một phần Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 và Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND thành phố S về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB của hộ ông Nguyễn Quốc C, bà Cao Thị N:

Theo thông tin do UBND thành phố S cung cấp, thửa đất ông Nguyễn Quốc C, bà Cao Thị N bị thu hồi để thực hiện dự án Khu đô thị quảng trường biển, thành phố S có nguồn gốc là đất có nhà ở sử dụng trước ngày 18/12/1980, sử dụng ổn định, không tranh chấp, đã được ghi nhận tại hồ sơ đo đạc 299/TTg (năm 1984), hồ sơ đo đạc 382 (năm 1995), hồ sơ địa chính năm 2010.

Biên bản xác nhận ngày 27/12/2021 về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất ở cho hộ ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N làm cơ sở cho việc bồi thường, GPMB của UBND phường T xác định: Thửa đất số 233, tờ bản đồ số 22 theo trích đo bản đồ địa chính phường T năm 2018 và Trích lục trích đo bản đồ địa chính ngày 29/7/2020; Trích lục trích đo bản đồ địa chính số 869/TLBĐ ngày 30/11/2021 (chính lý thửa số 72, 84, 93, 101, 115, tờ trích đo bản đồ địa chính số 22) của Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hóa, diện tích 1.342,3m², loại đất ODT của hộ ông Nguyễn Quốc C, bà Cao Thị N có nguồn gốc sử dụng là đất có nhà ở sử dụng trước ngày 18/12/1980. Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp. Thửa đất của ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N chưa được cấp GCNQSDĐ.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định toàn bộ diện tích đất của hộ ông Nguyễn Quốc C, bà Cao Thị N có nguồn gốc sử dụng trước ngày 18/12/1980, quá trình sử dụng đất không có tranh chấp.

Tại khoản 1 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 4463/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định: “Đối với những hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở hoặc đất vườn, ao mà đất đó được hình thành trước thời điểm được công nhận là đô thị (thị trấn, phường) thì áp dụng hạn mức địa bàn nông thôn theo quy định tại Điều 4 Quy định này”; đồng thời tại Điều 2 Quyết định số 4655/2017/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 4463/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Thanh

Hóa quy định: “*Các trường hợp chưa được xác định đất ở theo quy định này, nay người sử dụng đất có đơn đề nghị được xác định lại diện tích đất ở hoặc khi Nhà nước thu hồi đất thì diện tích đất ở được xác định lại theo quy định này*”.

Như vậy, hộ gia đình, cá nhân đã sử dụng ổn định đất ở có vườn, ao từ trước ngày 18/12/1980 và đất đó được hình thành trước thời điểm được công nhận là đô thị (phường) thì được xác định đất ở không quá 05 lần hạn mức giao đất ở tại địa bàn nông thôn được quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định kèm theo Quyết định số 4463/2014/QĐ-UBND, cụ thể như sau:

“- Tối đa 150m²/hộ đối với các vị trí ven đường giao thông, khu vực trung tâm xã, cụm xã thuận lợi cho hoạt động thương mại, dịch vụ, sinh hoạt;

- Tối đa 200m²/hộ đối với các vị trí còn lại”.

Trước ngày 18/12/1980 đất của ông Nguyễn Quốc C, bà Cao Thị N thuộc địa giới hành chính của xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Tại Quyết định số 157-HĐBT ngày 18/12/1981 của Hội đồng Bộ trưởng, quyết định thành lập 02 thị xã thuộc tỉnh Thanh Hóa, trong đó có thị xã S được thành lập từ thị trấn S và các xã T, xã C, xã T1 và xóm V (xã V) thuộc huyện Q. Tại Quyết định số 85/CP ngày 06/12/1995 của Chính phủ, phường T được thành lập trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của xã T. Như vậy, đến năm 1981 thì xã T mới được tách từ huyện Q về trực thuộc thị xã S, tỉnh Thanh Hóa và đến năm 1995 xã T thuộc thị xã S mới được thay đổi thành phường T, thị xã S.

Căn cứ Quyết định số 4241/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND thành phố S về phê duyệt giá đất cụ thể (giá đất ở) làm căn cứ tính tiền bồi thường GPMB thực hiện dự án: Khu đô thị Quảng trường biển, thành phố S đã xác định vị trí đất (theo Bảng giá đất tại Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019) thửa đất của hộ ông Nguyễn Quốc C, bà Cao Thị N có vị trí: đường ngõ, ngách thuộc khu phố B, khu phố T. Tại Công văn số 223/UBND-TNMT ngày 16/01/2024 của UBND thành phố S xác định: Vị trí thửa đất của ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N thuộc ngõ, ngách trong khu phố T, không thuộc vị trí mặt đường giao thông khu vực trung tâm phường và không thuận lợi cho hoạt động kinh doanh dịch vụ, sinh hoạt. Diện tích đất của hộ ông C, bà N có nguồn gốc sử dụng từ trước ngày 18/12/1980, được áp dụng “hạn mức địa bàn xã đồng bằng: 200m²/hộ” theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 7 Quy định về hạn mức công nhận đất ở ban hành kèm theo Quyết định số 4463/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 103 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; điểm b khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 7 Quy định về hạn mức công nhận đất ở ban hành kèm theo Quyết định số 4463/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa thì thửa đất của ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N được công

nhận diện tích đất ở tối đa là $200\text{m}^2 \times 5 \text{ lần} = 1.000\text{m}^2$. Do đó, UBND thành phố S chỉ áp dụng hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình tối đa $90\text{m}^2 \times 5 = 450\text{m}^2$ tại phường thuộc thành phố, thị xã theo điểm a khoản 1 Điều 3 Quy định về hạn mức công nhận đất ở ban hành kèm theo Quyết định số 4463/2014/QĐ-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa là chưa xem xét đầy đủ thời điểm, địa bàn sử dụng đất, các quy định của Nhà nước, của địa phương về hạn mức đất ở khi thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với hộ gia đình ông Nguyễn Quốc C, bà Cao Thị N.

Xét thấy, căn cứ nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của ông Nguyễn Quốc C, bà Cao Thị N và các quy định, hướng dẫn liên quan đến việc xác định hạn mức đất ở như đã phân tích ở trên, đất của ông C, bà N được công nhận diện tích đất ở tối đa là 1.000m^2 , nhưng các Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 và số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND thành phố S về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB cho hộ ông Nguyễn Quốc C, bà Cao Thị N xác định diện tích $1.342,3\text{m}^2$ đất của ông C, bà N bị thu hồi, gồm 450m^2 đất ở và $892,3\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm là chưa chính xác.

Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc C, bà Cao Thị N, chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa, hủy một phần các quyết định nêu trên của UBND thành phố S đối với nội dung thu hồi, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB.

[3.2] Về yêu cầu buộc UBND thành phố S thực hiện lại việc thu hồi, lập dự toán bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với ông Nguyễn Quốc C, bà Cao Thị N là 550m^2 đất ở và bố trí đất tái định cư khi thu hồi đất cho ông C, bà N:

Như đã phân tích ở trên, diện tích $1.342,3\text{m}^2$ đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Quốc C, bà Cao Thị N phải được xác định là 1.000m^2 đất ở, còn $342,3\text{m}^2$ là đất trồng cây lâu năm, nhưng các quyết định của UBND thành phố S trong việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB xác định diện tích $1.342,3\text{m}^2$ đất thu hồi, trong đó có 450m^2 đất ở, $892,3\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, chấp nhận nội dung khởi kiện của ông C, bà N, buộc UBND thành phố S phải thực hiện lại việc thu hồi, lập dự toán bồi thường, hỗ trợ GPMB tiếp đối với diện tích 550m^2 đất ở và bố trí tái định cư cho ông C, bà N theo quy định của pháp luật và chính sách chung của dự án.

[4] Về án phí: Người khởi kiện được Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, khoản 2 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 204, khoản 1 Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; điểm a khoản 2 Điều 66, điểm a khoản 3 Điều 69, Điều 74, Điều 75, khoản 2 Điều 103, khoản 2 Điều 143 Luật Đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N:

2.1. Hủy một phần các Quyết định sau đây:

- Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND thành phố S về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N sử dụng tại phường T để thực hiện dự án: Khu đô thị Quảng trường biển, thành phố S.

- Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND thành phố S phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB cho ông Nguyễn Quốc C và bà Cao Thị N sử dụng tại phường T để thực hiện dự án: Khu đô thị Quảng trường biển, thành phố S.

2.2. Buộc UBND thành phố S, tỉnh Thanh Hóa phải xác định trong 1.342,3m² đất thu hồi thuộc thửa đất số 233, tờ bản đồ số 22 phường T, thành phố S của gia đình ông Nguyễn Quốc C, bà Cao Thị N có 1.000m² đất ở (đã được thu hồi, phê duyệt 450m² đất ở), nay tiếp tục phê duyệt phương án bồi thường bổ sung diện tích 550m² là đất ở, phần đất còn lại 342,3m² là đất trồng cây lâu năm.

2.3. Buộc UBND thành phố S, tỉnh Thanh Hóa phải bố trí đất tái định cư cho ông Nguyễn Quốc C, bà Cao Thị N tương ứng với diện tích 550m² đất ở bị thu hồi theo quy định của pháp luật và chính sách chung của dự án.

3. Về án phí: UBND thành phố S, tỉnh Thanh Hóa phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Quốc C, bà Cao Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND tỉnh Thanh Hóa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: HS vụ án, Tòa HC.

Mai Nam Tiến

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 19 tháng 7 năm 2023;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai Hoa

Bà Mai Thị Viện

Tiến hành nghị án vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 106/2022/TLST-HC ngày 31/10/2022 về việc: “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Cao Sỹ Toàn, sinh năm 1955; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Cường, sinh năm 1972; có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Bắc Kỳ, phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ: Số 07, đường Tây Sơn, phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Tú - Chủ tịch UBND; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc Bích - Phó Chủ tịch UBND; Theo giấy ủy quyền số 5759/UBND-TP ngày 08/11/2022; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Đường Ngô Quyền, phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Thăng Giáp - Chủ tịch UBND phường; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Hùng - Công chức địa chính; theo văn bản ủy quyền số 36/UBND-TP ngày 19/7/2023; có mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị Chí, sinh năm 1954; vắng mặt.

3.3. Chị Cao Thị Hằng, sinh năm 1980; vắng mặt.

3.4. Anh Cao Sỹ Như, sinh năm 1983; vắng mặt.

3.5. Anh Cao Xuân Huy, sinh năm 1993; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Bắc Kỳ, phường Trung Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Căn cứ Điều 191 Luật Tố tụng hành chính;

- Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về điều luật áp dụng:

Khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; Điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 204; Khoản 1 Điều 206; Khoản 3 Điều 345; Khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính.

Điều 74, 75, 100, 103 Luật Đất đai năm 2013. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết: Thống nhất 3/3

2. Xử:

* Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện mà người khởi kiện ông Cao Sỹ Toàn đã rút cụ thể:

- Quyết định số 4023/QĐ-UBND ngày 29/07/2021 của UBND thành phố Sầm Sơn về việc thu hồi đất của ông Cao Sỹ Như sử dụng đất tại phường Trung Sơn để thực hiện dự án: Quảng trường biển, trực cảnh quan lễ hội thành phố Sầm Sơn.

- Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của UBND thành phố Sầm Sơn về việc thu hồi đất của ông Cao Sỹ Như sử dụng đất tại phường Trung Sơn để thực hiện dự án: Quảng trường biển, trực cảnh quan lễ hội thành phố Sầm Sơn.

- Quyết định số 1831/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của UBND thành phố Sầm Sơn về việc thu hồi đất của ông Cao Xuân Huy sử dụng đất tại phường Trung Sơn để thực hiện dự án: Quảng trường biển, trực cảnh quan lễ hội thành phố Sầm Sơn.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Sỹ Toàn: - Hủy Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của UBND thành phố Sầm Sơn về việc thu hồi đất của ông Cao Sỹ Toàn và bà Nguyễn Thị Chi sử dụng tại phường Trung Sơn để thực hiện Dự án: Quảng trường biển, trực cảnh quan lễ hội thành phố Sầm Sơn;

- Hủy Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của UBND thành phố Sầm Sơn phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB cho ông Cao Sỹ Toàn và bà Nguyễn Thị Chi sử dụng tại phường Trung Sơn để thực hiện Dự án: Quảng trường biển, trực cảnh quan lễ hội thành phố Sầm Sơn.

- Hủy Quyết định số 5443/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND thành phố Sầm Sơn, Điều chỉnh Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của UBND thành phố Sầm Sơn về việc thu hồi đất của ông Cao Sỹ Toàn và bà Nguyễn Thị Chi sử dụng tại phường Trung Sơn để thực hiện Dự án: Quảng trường biển, trực cảnh quan lễ hội thành phố Sầm Sơn.

+ Hủy Quyết định số 5444/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND thành phố Sầm Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB cho ông Cao Sỹ Toàn và bà Nguyễn Thị Chi sử dụng tại phường Trung Sơn để thực hiện Dự án: Quảng trường biển, trực cảnh quan lễ hội thành phố Sầm Sơn.

- Buộc UBND thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa thực hiện lại việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất đối với ông Cao Sỹ Toàn và bà Nguyễn Thị Chi và xác định diện tích đất thu hồi 364,7m² là đất ODT.

3. Về án phí:

UBND thành phố Sầm Sơn phải chịu 300.000^d án phí hành chính sơ thẩm.

Ông Cao Sỹ Toàn không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Biểu quyết: Thống nhất 3/3

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc Bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Biểu quyết: Thống nhất 3/3

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai Hoa Mai Thị Viện

Lê Thị Hiệu

